

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUỖN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2017/HSST
Ngày 07-11-2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUỖN HẢI TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quang Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Dũng.

Nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Duyên Hải.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

Nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Hội Khuyến học huyện Duyên Hải.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải tham gia phiên tòa: Ông Lâm Minh Khoa, Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 26/2017/HSST ngày 28 tháng 9 năm 2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: Kiên Thị S, sinh năm 1967; Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện D, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Kiên S (đã chết) và bà Thạch Thị H (đã chết); Có 04 người con, người lớn nhất sinh năm 1988, người nhỏ nhất sinh năm 2004; Anh, chị, em ruột (kể cả bị cáo) có 07 người, người lớn nhất sinh năm 1991, người nhỏ nhất sinh năm 1969; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị Hợp là Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 2 thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

Người bị hại:

1. Bà Kiên Thị Mỹ P sinh năm 1975. (Có mặt)

2. Chị Kim Thị Thúy G sinh năm 1996. (Có mặt)

3. Chị Kim Thị Ngọc L sinh năm 1997. (Có mặt)

Cùng trú tại: ấp T, xã N, huyện D, tỉnh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Kiên Thị Sao H sinh năm 1966. (Có mặt)
2. Ông Kim T sinh năm 1972. (Có mặt)
Cùng trú tại: ấp T, xã N, huyện D, tỉnh T.
3. Anh Phạm Thanh L sinh năm 1992. (Có mặt)
Nơi cư trú tại: ấp S, xã N, huyện D, tỉnh T.
4. Anh Cao Quốc Đ sinh năm 1995. (Có mặt)
Nơi cư trú: Khóm 9, phường 7, thành phố T, tỉnh T.

Người làm chứng:

1. Bà Kiên Thị Đ sinh năm 1963. (Có mặt)
2. Bà Kiên Thị K sinh năm 1958. (Có mặt)
Cùng trú tại: ấp S, xã N, huyện D, tỉnh T.

Người phiên dịch: Bà Sơn Thị Hoa. (Có mặt)

Nơi cư trú: khóm 2, phường 1, thị xã D, tỉnh T.

NHẬN THẤY:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 07-7-2016, bị cáo điều khiển xe mô tô đến trước nhà bà Thạch Thị Sao H thuộc ấp T, xã N thì bị bà Kiên Thị Mỹ P chặn xe lại, bà P kêu bị cáo xuống xe nói chuyện (do trước đó bị cáo nói bà P có quan hệ bất chính với ông Kim S), bị cáo dựng xe cặp lộ nhựa bước xuống, hai bên xảy ra cự cãi, xô xát với nhau và di chuyển sang bên kia lộ, lúc này bị cáo dùng tay trái lấy cây dao (loại dao dùng để cạo hạt điều) trong túi quần ra, bị cáo cầm cán dao đâm hướng từ trên xuống làm lưỡi dao trúng vào trán phải và vùng cổ tay trái của bà P, ngay lúc đó bà Kiên Thị Đ chạy đến nắm tóc kéo bà P ra ngoài, bà Đ lấy túi ni lon đựng ớt đã già nhuyển trét vào bà P nhưng bị Cao Quốc Đ dùng tay đỡ làm túi ớt rơi xuống đất, lúc này bị cáo đứng thẳng người lên nhìn bà Đ và bà P xô xát với nhau, cùng lúc Kim Thị Ngọc L chạy đến, ngay lập tức bị cáo cầm dao cạo hạt điều đâm trúng vào vùng cổ phải và vai phải của L, sau đó Kim Thị Thúy G chạy đến, bị cáo tiếp tục dùng dao cạo hạt điều bước tới đâm trúng mắt kính làm lưỡi dao trượt xuống trúng gò má phải của G, bị cáo dùng dao đâm tiếp nên G dùng tay chụp ngay lưỡi dao làm đứt đốt gần ngón II bàn tay trái của G, Kim Thị Ngọc L. Sau khi bị gây thương tích xong, L chạy vào nhà bà Sao H lấy được một mũ bảo hiểm chạy ra định đánh trả lại thì Cao Quốc Đ và bà Sao H ngăn cản, L tức giận đập mũ bảo hiểm xuống đất làm vỡ mũ bảo hiểm, L tiếp tục nhặt được một đoạn cây tầm vông để cạo vách nhà bà Sao H định đánh bà Đ thì bà Kiên Thị K can ngăn và lấy đoạn cây vứt đi, Sau đó bị cáo đi đến chỗ dựng xe định đi về thì Kim Thị Thúy G cầm đồ đập nước đá bằng inox đến đánh vào đầu xe của bị cáo và không cho bị cáo về, lúc này Công an xã N đến giải quyết.

Tại các Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 163/TgT ngày 25-11-2016 và số 50/TgT ngày 14-4-2017 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Trà

Vinh xác định tỷ lệ thương tích trên người của Kiên Thị Mỹ P như sau: 01 sẹo mặt trong cổ tay trái kích thước 02 cm x 0,1 cm tỷ lệ 01%; 01 sẹo trán phải kích thước 04 cm x 0,1 cm ảnh hưởng thẩm mỹ tỷ lệ 11%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 12%. Cơ chế hình thành vết thương là do ngoại lực tác động trực tiếp, vật gây ra thương tích trên là vật cứng có cạnh sắc, nhọn, hướng từ trên xuống.

Tại các Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 164/TgT ngày 25-11-2016 và số 51/TgT ngày 14-4-2017 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Trà Vinh xác định tỷ lệ thương tích trên người của Kim Thị Ngọc L như sau: 01 sẹo cổ phải kích thước 0,5 cm x 0,1 cm tỷ lệ 01%; 01 sẹo vai phải kích thước 0,5 cm x 0,2 cm tỷ lệ 01%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 02%. Cơ chế hình thành vết thương là do ngoại lực tác động trực tiếp, vật gây ra thương tích trên là vật cứng có cạnh sắc, nhọn, hướng từ trên xuống.

Tại các Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 165/TgT ngày 25-11-2016 và số 52/TgT ngày 14-4-2017 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Trà Vinh xác định tỷ lệ thương tích trên người của Kim Thị Thúy G như sau: 01 sẹo đốt gần ngón II bàn tay trái kích thước 02 cm x 0,1 cm tỷ lệ 01%; 01 sẹo vùng má phải kích thước 04 cm x 0,1 cm ảnh hưởng thẩm mỹ tỷ lệ 11%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 12%. Cơ chế hình thành vết thương là do ngoại lực tác động trực tiếp, vật gây ra thương tích trên là vật cứng có cạnh sắc, nhọn, hướng từ trên xuống.

Tại cáo trạng số 20/VKS-HS ngày 27 tháng 9 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Kiên Thị S về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị hại Kiên Thị Mỹ P yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại tổng cộng 10.727.000 đồng, bao gồm các khoản: Tiền xe 550.000 đồng, tiền viện phí, thuốc là 1.947.000 đồng, tiền ăn uống bồi dưỡng sức khỏe là 400.000 đồng, tiền mất thu nhập là 3.400.000 đồng (17 ngày x 200.000 đồng/ ngày), tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh là 800.000 đồng, tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 3.630.000 đồng. Trừ 4.000.000 đồng đã bồi thường trước còn lại là 6.727.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, bị hại P yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật; Bị hại Kim Thị Ngọc L yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại tổng cộng 5.686.000 đồng, bao gồm các khoản: Tiền xe 550.000 đồng, tiền viện phí, thuốc là 1.096.000 đồng, tiền ăn uống bồi dưỡng sức khỏe là 240.000 đồng, tiền mất thu nhập là 3.400.000 đồng (17 ngày x 200.000 đồng/ngày), tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh là 400.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, bị hại L yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật; Bị hại Kim Thị Thúy G yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại tổng cộng 11.323.000 đồng, bao gồm các khoản: Tiền xe 550.000 đồng, tiền viện phí, thuốc là 2.143.000 đồng, tiền ăn uống bồi dưỡng sức khỏe là 400.000 đồng, tiền mất thu nhập là 3.400.000 đồng (17 ngày x 200.000 đồng/ ngày), tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh là 1.200.000 đồng, tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 3.630.000 đồng. Về trách nhiệm

hình sự đối với bị cáo, bị hại G yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kiên Thị Sao H, ông Kim T, anh Phạm Thanh L, anh Cao Quốc Đ không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết việc gì thêm.

Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả và truy tố, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Đối với yêu cầu về bồi thường thiệt hại của các bị hại, bị cáo đồng ý bồi thường hết các khoản theo yêu cầu của bị hại.

Người bào chữa cho bị cáo phân tích, đánh giá các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phân tích, đánh giá tính chất và các tình tiết của vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 104; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Kiên Thị S từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và các bị hại tại phiên tòa; Về vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy; Về án phí, đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại P tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Duyên Hải, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Kết quả thẩm vấn, tranh luận công khai tại phiên tòa và thảo luận nghị án của Hội đồng xét xử cho thấy đã có đủ cơ sở để kết luận diễn biến, nội dung vụ án như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải đã mô tả và truy tố. Bị cáo Kiên Thị S đã thừa nhận dùng dao gây thương tích đối với bà Kiên Thị Mỹ P, chị Kim Thị Ngọc L và chị Kim Thị Thúy G, vị trí thương tích và tỷ lệ thương tật như các bản kết luận giám định của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Trà Vinh đã nêu. Như vậy, đã có đầy đủ cơ sở để quy kết bị cáo Kiên Thị S phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 điều 104 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Lẽ ra, khi hai bên xảy ra cựa cãi bị cáo nên bỏ đi và báo chính quyền địa phương xử lý nhưng bị cáo lại dùng hung

khí nguy hiểm gây thương tích đối với nhiều người. Hành vi vi phạm của bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây mất trật tự, trị an ở địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục riêng cho bản thân bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo. Sau khi phạm tội, bị cáo tích cực khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho bị hại, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo biết ăn năn hối cải, thật thà nhận tội, bị cáo là người dân tộc ở vùng nông thôn, khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Hơn nữa, bị hại cũng có lỗi nên xem đây là những tình tiết làm căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là phù hợp với chính sách khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Về trách nhiệm dân sự: Sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và các bị hại tại phiên tòa là phù hợp với quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng mà bị cáo Kiên Thị S nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Duyên Hải vào ngày 23 tháng 8 năm 2017, để bồi thường cho bà Kiên Thị Mỹ P. Bà P đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Duyên Hải làm thủ tục để nhận số tiền nêu trên.

Về vật chứng: Không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Về đề nghị của người bào chữa: Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 46 và Điều 60 Bộ luật hình sự. Bởi lẽ, hành vi của bị cáo không thuộc trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng vì hành vi xâm hại của bị hại như: dùng tay đánh bị cáo là hành vi không phải là tội phạm và không gây nguy hiểm đáng kể cho xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất nghiêm trọng, có hai tình tiết định khung tăng nặng là dùng hung khí nguy hiểm và phạm tội đối với nhiều người. Do đó, cho bị cáo hưởng án treo sẽ không đảm bảo tính răn đe, không phục vụ được cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về mức hình phạt là tương xứng với mức độ phạm tội và tính chất của vụ án cũng như các đề nghị về việc giải quyết phần trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng, án phí là phù hợp với cơ sở pháp luật nên cần được chấp nhận.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Kiên Thị S phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 2 Điều 104; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Kiên Thị S 02 (Hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 590 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Kiên Thị S bồi thường cho bị hại Kiên Thị Mỹ P số tiền 7.047.000 đồng, bồi thường cho bị hại Kim Thị Ngọc L số tiền 5.686.000 đồng, bồi thường cho bị hại Kim Thị Thúy G số tiền 11.323.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất 10%/01 năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải giao số tiền 2.000.000 (*Hai triệu đồng*) do bị cáo Kiên Thị S nộp ngày 23 tháng 3 năm 2017 cho bà Kiên Thị Mỹ P để bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà P.

Về vật chứng: Áp dụng điểm đ, khoản 2, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 04 mảnh vỡ mũ bảo hiểm màu xanh, không xác định được hình dạng và kích cỡ; 01 đoạn cây tầm vong dài 98 cm, đầu lớn nhất có đường kính 12 cm, đầu nhỏ nhất có đường kính 10 cm bị bể nham nhở; 01 bịch nilon quay xách màu vàng; 01 thanh kim loại màu trắng dài 16 cm, rộng 5,5 cm; 02 cây dao cạo hạt điều dài 13 cm, cán bằng gỗ dài 10 cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 03 cm, sắc nhọn.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Kiên Thị S.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- STP tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CA huyện Duyên Hải;
- Chi cục THADS huyện Duyên Hải;
- UBND xã Ngũ Lạc;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lâm Quang Vinh